

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2006/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về mức chi công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp,
tuyển sinh, thi học sinh giỏi các cấp và các hội thi khác của ngành giáo dục trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2001/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 20/6/2001 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chi bồi dưỡng cho công tác ra đề thi và tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, thi quốc tế và thi tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 28/2003/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 04/4/2003 của liên Bộ Tài chính-Giáo dục và Đào tạo qui định chế độ thu và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) vào các cơ sở giáo dục-đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 368/TC-HCSN ngày 31/3/2006 và của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 447 /TT-GDDT ngày 04/5/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức chi công tác tổ chức thi tốt nghiệp, tuyển sinh, thi học sinh giỏi các cấp và các hội thi khác của ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 1285/2002/QĐ-UB ngày 03/5/2002 của UBND tỉnh Quảng Ngãi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Kim Hiệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
NỘI DUNG, MỨC CHI CÁC KỲ THI ĐỐI VỚI HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-UBND ngày 15/5/2006
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

A. CÁC KỲ THI ĐỐI VỚI HỌC SINH

I. Thi tốt nghiệp các cấp:

- Nguồn kinh phí:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: Sử dụng từ nguồn Ngân sách sự nghiệp giáo dục được cấp có thẩm quyền giao hàng năm để chi.

Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập (bán công, dân lập và tư thục) được sử dụng từ nguồn thu học phí của đơn vị để chi, trong đó trích nộp về Sở để chi công tác chấm thi là 25.000đồng/thí sinh.

- Nội dung, mức chi cụ thể được thống nhất trong toàn tỉnh như sau:

1/ Mức chi làm đề thi:

Đơn vị tính: đồng/đề

Nội dung công việc	Trung học phổ thông và BT VH THPT	TN Nghề THCS và THPT
- Ra đề đề xuất (có đáp án)	72.000	72.000
- Ra đề thi chính thức và đề thi dự bị (có đáp án)	255.000	150.000
- Đề thi thực hành (có đáp án)		75.000
- Duyệt đề thi	23.000	23.000
- Mời chuyên gia đọc góp ý kiến vào đề thi chính thức và dự bị	85.000	85.000
- Sao in, vào bì riêng môn thi cho từng học sinh	42.000	42.000
- Công đóng đề thi vào bì chung của từng Hội đồng thi	20.000đ/ngày/ người	20.000đ/ngày/ người

- Mức chi cho việc tổ chức sao in đề thi tốt nghiệp THPT áp dụng theo định mức đã qui định ở trên và Thông tư Liên Bộ số 47/TT-LB ngày 20/6/2001.

- Riêng tiền ăn, nước uống cho Hội đồng sao in, phân biện đề thi (khu vực cách ly) được tính mức 100.000 đồng/người/ngày-đêm.

2/ Mức chi cho người làm công tác tổ chức và quản lý kỳ thi tốt nghiệp:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

Nội dung công việc	THPT và BTTH	TN Nghề THCS và THPT
- Giám thị, thư ký	22.000	20.000
- Chủ tịch, Phó chủ tịch	26.000	25.000
- Bảo vệ, y tế ngoài khu vực cách ly	20.000	20.000
- Tạp vụ, phục vụ	20.000	20.000
- Thanh tra thi		
+ Trưởng đoàn	30.000	30.000
+ Đoàn viên đoàn thanh tra	25.000	25.000
+ Thanh tra viên độc lập	25.000	25.000
- Chi kiểm tra hồ sơ thi	9.000 đ/phòng thi	7.000 đ/phòng thi
- Lập danh sách học sinh dự thi	9.000 đ/phòng thi	8.000 đ/phòng thi

+ Số kinh phí chi cho người làm công tác tổ chức và quản lý kỳ thi: bằng số ngày làm việc thực tế của các đối tượng kể trên nhân với mức chi của từng cấp học (số ngày làm việc thực tế theo Quyết định thành lập các Hội đồng thi).

+ Ban chỉ đạo thi của cấp nào (tỉnh, huyện) thì được áp dụng mức chi và thời gian qui định (theo mức lãnh đạo Hội đồng thi) của cấp đó theo quyết định.

3/ Mức chi cho người làm công tác chấm thi:

3.1/ Định mức chi cho một số công việc trong Hội đồng chấm:

3.1.1/Chi cho công tác quản lý:

Đơn vị tính: đồng/ người/ ngày

Nội dung công việc	THPT và BTVH THPT	TN nghề THPT và THCS
- Phụ cấp trách nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng	26.000	25.000
- Phụ cấp trách nhiệm cho tổ trưởng chấm và thư ký Hội đồng chấm	22.000	20.000
- Bảo vệ, y tế (24/24 giờ)	25.000	20.000
- Tạp vụ, phục vụ	20.000	20.000
- Thanh tra chấm thi		
+ Trưởng đoàn	30.000	30.000
+ Đoàn viên	25.000	25.000

Số kinh phí chi cho người làm công tác tổ chức, quản lý, phục vụ Hội đồng chấm thi: bằng số ngày làm việc thực tế của các đối tượng kể trên nhân với mức chi của từng cấp học (theo quyết định thành lập các Hội đồng chấm thi).

3.1.2/ Chi chấm thi và xét duyệt kết quả thi:

Nội dung công việc	THPT và BTTHPT	TN nghề THPT và nghề THCS
- Chi chấm bài	3.400đ/bài	2.400đ/bài
- Chi đánh phách, rọc phách	21.000đ/phòng thi/môn	14.000đ/phòng thi/môn
- Xét duyệt kết quả thi, duyệt tốt nghiệp + Sơ duyệt + Duyệt chính thức	8.000đ/phòng thi 500đ/phòng thi	5.000đ/phòng thi 500đ/phòng thi

Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi được tính khoản chung trong mức chấm bài thi.

4/ Chi phí khác phục vụ các Hội đồng coi thi, chấm thi:

Công tác chuẩn bị địa điểm thi, văn phòng phẩm, nước uống, thuốc phòng... tùy theo số lượng phòng thi, thí sinh dự thi đặt tại Hội đồng mà có định mức chi phù hợp nhằm đảm bảo các điều kiện cho Hội đồng làm việc trên tinh thần triệt để tiết kiệm.

II. Thi tuyển sinh các cấp:

Nguồn kinh phí chi cho công tác này: chủ yếu từ nguồn thu lệ phí thi tuyển sinh vào các trường theo qui định tại Thông tư 28/2003/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 04/4/2003 của Liên Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo và phần ngân sách hỗ trợ cho công tác chấm thi (nếu có tổ chức thu lệ phí thi nhưng không đủ chi).

1/ Mức thu:

- + Thi tuyển vào lớp 10 công lập (02 môn thi): 10.000 đ/thí sinh/lần dự thi
- + Thi tuyển vào lớp 10 chuyên (03 môn thi): 15.000 đ/thí sinh/lần dự thi
- + Xét tuyển vào THPT bán công, dân lập: 8.000đ/ thí sinh
- + Xét tuyển vào lớp 6: 5.000đ/ thí sinh

2/ Mức chi: Thống nhất trong toàn tỉnh như sau:

2.1/Đối với kỳ thi tuyển sinh vào 10:

2.1.1/ Mức chi làm đề thi:

- Ra đề thi: Đề thi chính thức, dự bị (có đáp án): 255.000đ/đề.

Riêng đề thi môn chuyên (tuyển sinh vào lớp 10 trường chuyên) được tính bằng mức ra đề thi chọn học sinh giỏi tỉnh bậc trung học cơ sở (ở phần sau).

- Duyệt đề thi chính thức, dự bị : 23.000đ/đề

- Mời chuyên gia đọc, góp ý kiến vào đề thi chính thức và đề thi dự bị :
85.000đ/đề

- Sao in, vào bì riêng môn thi cho từng học sinh: 42.000đ/đề

- Tiền công đóng đề thi vào bì chung của từng Hội đồng thi (tính theo công nhật không phụ thuộc vào số học sinh): 20.000đ/ngày.

- Tiền ăn, nước uống cho Hội đồng sao in, phân biện đề thi (khu vực cách ly) được tính mức 100.000 đ/người/ngày-đêm.

2.1.2/ Mức chi cho người làm công tác coi thi: (Đơn vị tính: người/ ngày)

- Chi cho giám thị, thư ký Hội đồng thi: 22.000đ

- Chi cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng : 26.000đ

- Bảo vệ, cán bộ y tế khu vực thi: 20.000đ

- Bảo vệ đề, bài thi (24/24 giờ): 26.000đ

- Tạp vụ, phục vụ: 20.000đ

- Thanh tra thi:

+ Trưởng đoàn: 30.000đ

+ Đoàn viên đoàn thanh tra: 25.000đ

+ Thanh tra viên độc lập: 25.000đ

- Chi kiểm tra hồ sơ thi: 8.000đ/phòng thi.

- Lập danh sách học sinh dự thi : 9.000đ/phòng thi.

2.1.3/ Mức chi cho người làm công tác xét tuyển vào lớp 10 bán công, dân lập:

- Chi cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng: 23.000đ/người/ngày

- Thư ký hội đồng và các thành viên: 20.000đ/người/ngày

- Tạp vụ, phục vụ: 15.000đ/người/ngày

- Lập danh sách học sinh trúng tuyển: 8.000đ/phòng thi.

2.1.4/ Mức chi cho người làm công tác chấm thi:

a. Định mức chi cho mỗi bài thi: 3.400 đ/bài.

Riêng chấm bài thi môn chuyên được tính như bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh bậc trung học cơ sở (phần sau).

Phụ cấp tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi được tính khoán chung trong mức chi chấm bài.

b. Định mức chi cho Hội đồng làm phách: gồm việc đánh phách, rọc phách, khớp phách, vào điểm: 21.000đ/phòng thi/môn.

c. Định mức chi cho một số công việc trong Hội đồng chấm:

(Đơn vị tính: người/ngày)

- Phụ cấp trách nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng:	27.000đ
- Thư ký Hội đồng chấm thi:	22.000đ
- Bảo vệ, cán bộ y tế	20.000đ
- Tạp vụ, phục vụ:	15.000đ
- Thanh tra chấm thi:+ Trưởng đoàn:	30.000đ
+ Đoàn viên:	25.000đ
- Kiểm tra xét kết quả thi:	
+ Sơ duyệt:	9.000đ/phòng thi.
+ Duyệt chính thức:	450đ/phòng thi.

2.1.5/ Chi khác phục vụ các Hội đồng coi thi, chấm thi:

Công tác chuẩn bị địa điểm thi, văn phòng phẩm, nước uống, thuốc phòng,... tùy theo số lượng phòng thi, thí sinh dự thi đặt tại Hội đồng mà có định mức chi phù hợp nhằm đảm bảo các điều kiện cho Hội đồng làm việc trên tinh thần tiết kiệm.

2.2/ Đối với xét tuyển sinh vào lớp 6:

- Chi cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng:	20.000đ/người/ngày
- Thư ký và các thành viên:	18.000đ/người/ngày
- Phục vụ:	15.000đ/người/ngày
- Lập danh sách học sinh trúng tuyển:	7.000đ/phòng thi.

III. Thi học sinh giỏi:

Nguồn kinh phí chi cho công tác này: chi từ nguồn Ngân sách sự nghiệp hàng năm của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Mức chi thống nhất trong toàn tỉnh như sau:

1/ Đối với thi học sinh giỏi Quốc gia, khu vực: chi theo định mức qui định tại Thông tư Liên Bộ số 47/2001/TTLB/BTC-BGD&ĐT ngày 20/6/2001.

2/ Đối với thi học sinh giỏi cấp tỉnh:

2.1/ Mức chi làm đề thi:

Đơn vị tính: đồng/đề

Công việc	Tiểu học	THCS	THPT
- Ra đề xuất (có đáp án)	120.000	145.000	145.000
- Ra đề thi chính thức và đề thi dự bị (có đáp án)	280.000	340.000	340.000
- Duyệt đề thi	22.000	25.000	25.000
- Mời chuyên gia đọc góp ý kiến vào đề thi chính thức, đề dự bị	70.000	85.000	85.000
- Sao in, vào bì riêng môn thi cho từng học sinh	35.000	42.000	42.000
- Công đóng đề thi vào bì chung của từng HĐ thi	20.000đ/ ngày/người	20.000đ/ ngày/người	20.000đ/ ngày/người

- Tiền ăn, nước uống cho hội đồng sao in, phân biện đề thi (khu vực cách ly) được tính mức 100.000 đồng/người/ngày-đêm.

2.2/ Mức chi cho người làm công tác tổ chức và quản lý kỳ thi học sinh giỏi tỉnh: Áp dụng như mức chi qui định đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

2.3/ Định mức chi cho một số công việc trong Hội đồng chấm:

a. Chi cho công tác quản lý:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

Công việc	Tiểu học	THCS	THPT
- Phụ cấp trách nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng	21.000	25.000	26.000
- Phụ cấp trách nhiệm cho tổ trưởng chấm và thư ký Hội đồng chấm	18.000	21.000	22.000
- Bảo vệ, y tế (24/24 giờ)	18.000	21.000	22.000
- Tạp vụ, phục vụ	15.000	15.000	15.000
- Thanh tra chấm thi			
+ Trưởng đoàn	30.000	30.000	30.000
+ Đoàn viên	25.000	25.000	25.000
- Xét thưởng kết quả thi HS giỏi	21.000	25.000	26.000

Số kinh phí chi cho người làm công tác tổ chức, quản lý, phục vụ Hội đồng chấm thi: bằng số ngày làm việc thực tế của các đối tượng kể trên nhân với mức chi của từng cấp học theo quyết định thành lập các Hội đồng chấm thi.

b. Chi chấm bài:

Công việc	Tiểu học	THCS	THPT
- Chấm bài thi (đồng/bài thi)	8.000	12.000	12.000
- Đánh phách, rọc phách, khớp phách, vào điểm (đồng/phòng thi/môn)	17.000	21.000	21.000

Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi được tính khoán chung trong mức chi chấm bài thi.

2.4/ Định mức chi cho tổ chức tập huấn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia:

- Dạy lý thuyết 40.000đ/tiết
- Dạy thực hành 50.000đ/tiết
- Trợ lý thí nghiệm 18.000đ/tiết
- Tiền ăn cho học sinh giỏi trong đội tuyển 25.000đ/người/ngày
- Chi thưởng học sinh giỏi quốc gia, khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức:

+ Giải nhất 2.000.000đ

+ Giải nhì 1.500.000đ

+ Giải ba

1.000.000đ

+ Giải khuyến khích 500.000đ

- Thưởng cho giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh đạt giải:

+ Giải nhất 1.000.000đ/giải

+ Giải nhì 800.000đ/giải

+ Giải ba 600.000đ/giải

+ Giải khuyến khích 400.000đ/giải

- Chi thưởng học sinh giỏi Quốc tế và khu vực (châu Á, ASEAN):

+ Giải nhất 1.000.000đ

+ Giải nhì 800.000đ

+ Giải ba 600.000đ

+ Giải khuyến khích 400.000đ

- Học sinh đạt giải tại các kỳ thi khu vực (trong nước) không thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức :

+ Giải nhất : 400.000đ

+ Giải nhì : 300.000đ

+ Giải ba : 200.000đ

+ Giải khuyến khích : 100.000đ

2.5/ Thương cho học sinh giỏi cấp tỉnh:

a) Mức thưởng:

Đơn vị tính: đồng

Đối tượng	Tiểu học	THCS	THPT
- Học sinh đạt giải			
+ Giải nhất	250.000	400.000	500.000
+ Giải nhì	150.000	250.000	350.000
+ Giải ba	100.000	150.000	200.000
+ Giải khuyến khích	50.000	80.000	100.000
- Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng HS đạt giải :	(đồng/giải)	(đồng/giải)	(đồng/giải)
+ Giải nhất	100.000	120.000	140.000
+ Giải nhì	80.000	100.000	120.000
+ Giải ba	60.000	80.000	100.000
+ Giải khuyến khích	40.000	60.000	80.000

b) Nguồn kinh phí khen thưởng:

- Cấp tỉnh: thưởng học sinh đạt giải.

- Cấp huyện, các trường trực thuộc thưởng cho giáo viên dạy bồi dưỡng có học sinh đạt giải.

3/ Đối với kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện (Mầm non, Tiểu học, THCS), cấp trường THPT thuộc các môn văn hoá: Mức chi đối với tổ chức tập huấn, thi, chấm thi, khen thưởng áp dụng bằng 60% của mức chi cho thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

B. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO HỌC SINH THAM DỰ CÁC HỘI THI KHÔNG PHẢI LÀ CÁC MÔN VĂN HOÁ

I. Mức chi:

Dự thi học sinh giỏi và tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển chuẩn bị thi khu vực, Quốc gia các môn thể dục thể thao, hội thi văn nghệ và các hội thi khác... của ngành Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi.

1/ Hỗ trợ tiền ăn:*Đơn vị tính: đồng/ngày/người*

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Tập huấn và thi quốc gia
- Mầm non, Tiểu học	10.000	15.000	20.000
- THCS, THPT	15.000	20.000	25.000
- Vận động viên TDTT	20.000	25.000	30.000

2/ Tiền nước uống:

Chi tiền nước uống cho các đối tượng là: Vận động viên TDTT, học sinh thi văn nghệ, học sinh thi bé khỏe, bé ngoan và các hội thi khác tổ chức ở các cấp là 3.000đ/ngày/người.

3/ Tiền thưởng:**3.1/ Đối với Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao quốc phòng và thể dục thể thao:***Đơn vị tính: đồng/giải*

Đối tượng	Cấp huyện		Cấp tỉnh		Ghi chú
	THCS	THPT	THCS	THPT	
a/ Giải tập thể					Nếu trường hợp có tổ chức giải Bóng đá mini cho học sinh bậc tiểu học tính bằng 90% của mức thưởng từng giải cấp đó và bậc học tương ứng.
- Bóng đá, chuyên, rổ,...					
+ Giải nhất	300.000	400.000	400.000	500.000	
+ Giải nhì	200.000	300.000	300.000	400.000	
+ Giải ba	150.000	200.000	200.000	300.000	
- Giải toàn đoàn điền kinh					
+ Giải nhất	250.000	300.000	300.000	400.000	
+ Giải nhì	200.000	250.000	250.000	350.000	
+ Giải ba	150.000	200.000	200.000	300.000	
- Giải toàn đoàn HKPĐ					
+ Giải nhất	600.000	700.000	700.000	800.000	
+ Giải nhì	500.000	600.000	600.000	700.000	
+ Giải ba	300.000	400.000	400.000	600.000	

- Đơn vị miền núi có thành tích cao và phong trào			300.000	400.000	
b/ Giải đôi, toàn năng và tiếp sức các môn					
- Bóng bàn, cầu lông					
+ Giải nhất	120.000	140.000	160.000	180.000	
+ Giải nhì	100.000	120.000	140.000	160.000	
+ Giải ba	80.000	100.000	120.000	140.000	
c/ Giải cá nhân tất cả các môn					
+ Giải nhất	60.000	80.000	80.000	100.000	
+ Giải nhì	40.000	60.000	60.000	80.000	
+ Giải ba	30.000	40.000	40.000	60.000	

3.2/ Đối với hội thi văn nghệ, bé khỏe và các hội thi khác:

Đơn vị tính: đồng/giải

Đối tượng	Cấp huyện				Cấp tỉnh			
	M.Non	T.học	THCS	THPT	M.Non	T.Học	THCS	THPT
- Toàn đoàn								
+ Giải nhất	150.000	250.000	300.000	400.000	250.000	350.000	400.000	500.000
+ Giải nhì	100.000	200.000	250.000	300.000	200.000	300.000	350.000	400.000
+ Giải ba	80.000	150.000	200.000	250.000	150.000	250.000	300.000	350.000
- Tốp ca								
+ Giải nhất	150.000	200.000	250.000	300.000	200.000	250.000	300.000	400.000
+ Giải nhì	100.000	150.000	200.000	250.000	150.000	200.000	250.000	300.000
+ Giải ba	80.000	100.000	150.000	200.000	100.000	150.000	200.000	250.000
+ Giải khuyến khích	50.000	80.000	100.000	150.000	80.000	100.000	150.000	200.000
- Song, Tam ca								
+ Giải nhất	100.000	120.000	140.000	160.000	120.000	140.000	160.000	180.000
+ Giải nhì	80.000	100.000	120.000	140.000	100.000	120.000	140.000	160.000
+ Giải ba	60.000	80.000	100.000	120.000	80.000	100.000	120.000	140.000
+ Giải khuyến khích	40.000	60.000	80.000	100.000	60.000	80.000	100.000	120.000
- Cá nhân								
+ Giải nhất	60.000	60.000	80.000	80.000	80.000	80.000	100.000	100.000

+ Giải nhì	50.000	50.000	60.000	60.000	60.000	60.000	80.000	80.000
+ Giải ba	30.000	30.000	40.000	40.000	40.000	40.000	60.000	60.000
+ Giải KK	20.000	20.000	30.000	30.000	30.000	30.000	40.000	40.000

C. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO GIÁO VIÊN THAM GIA CÁC HỘI THI CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.

Giáo viên, chuyên viên tham gia tập huấn, luyện tập, bồi dưỡng, làm giám khảo kỳ thi học sinh giỏi, giáo viên dạy giỏi các môn văn hóa, thi viết chữ đẹp, thể dục thể thao, hội thao, hội thi văn nghệ và các hội thi khác... của ngành Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi.

I. Hỗ trợ tiền ăn:

- Tập huấn và dự thi cho cấp huyện là: 10.000 đ/ngày/người
- Tập huấn và dự thi cấp tỉnh, Quốc gia: 15.000 đ/ngày/người

II. Các mức chi:

1/ Công tác ra đề thi, coi thi, chấm thi giáo viên dạy giỏi các cấp:

a) Ra đề, làm đề thi :

Đơn vị tính: đồng/đề

Nội dung công việc	Cấp huyện			Cấp tỉnh		
	Tiểu học M.Non	THCS	THPT	Tiểu học M.Non	THCS	THPT THCN
- Đề chính thức và đề dự bị (có đáp án)	182.000	240.000	288.000	260.000	320.000	360.000
- Đề đề xuất (có đáp án)	88.000	109.000	122.000	110.000	136.000	153.000
- Duyệt đề thi	18.000	18.000	18.000	23.000	23.000	23.000
- Thu băng cassette, in sao đề ngoại ngữ	0	128.000	144.000	0	160.000	180.000

Công việc đánh máy, sao in, vào bì chung và từng môn thi từng bậc học thực hiện như kỳ thi học sinh giỏi.

b) Chấm bài lý thuyết cho giáo viên dạy giỏi thi các cấp:

Đơn vị tính: đồng/bài

Nội dung công việc	Cấp huyện			Cấp tỉnh		
	T.Học MN	THCS	THPT	T.Học MN	THCS	THPT THCN
- Chấm bài thi	8.000	10.000	11.000	10.000	12.000	14.000

Công việc đánh số, rọc, ráp phách, vào điểm từng bậc học thực hiện như kỳ thi học sinh giỏi.

c) Chấm thi giáo viên dạy tiết giảng trên lớp:

Đơn vị tính: đồng/tiết

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Ghi chú
- Bậc Mầm non, Tiểu học			
+ Lý thuyết	15.000	20.000	
+ Thực hành	20.000	25.000	
+ Trợ lý thí nghiệm	10.000	12.000	
- Bậc THCS			
+ Lý thuyết	20.000	30.000	
+ Thực hành TN	25.000	35.000	
+ Trợ lý thí nghiệm	12.000	14.000	
- Bậc THPT – THCN			
+ Lý thuyết	25.000	35.000	
+ Thực hành	30.000	40.000	
+ Trợ lý thí nghiệm	15.000	17.000	

d) Tiền thưởng giáo viên giáo dục các cấp:

Đơn vị tính: đồng/người

Giải	Cấp huyện	Cấp tỉnh
+ Giải nhất	200.000	300.000
+ Giải nhì	150.000	200.000
+ Giải ba	80.000	100.000
+ Giải KK	50.000	50.000

e) Giám khảo chấm giáo án cũ, mới của giáo viên dự thi các cấp:

Đơn vị tính: đồng/ngày/người

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Ghi chú
- Bậc Mầm non, Tiểu học	25.000	30.000	
- Bậc Trung học cơ sở	30.000	35.000	

- Bậc THPT – THCN - DN	35.000	40.000	
------------------------	--------	--------	--

Thời gian chấm giáo án cũ, mới không quá 3 ngày, cụ thể:

+ Từ 01 đến 05 GV: 01 ngày.

+ Từ 06 đến 10 GV: 02 ngày.

+ Trên 11 giáo viên: 03 ngày.

g) Trọng tài, giám sát học sinh và giáo viên dự thi các môn về TDTT, HKPD, Hội thao quốc phòng các cấp:

Nội dung công việc	Cấp huyện			Cấp tỉnh		
	Tiểu học	THCS	THPT	Tiểu học	THCS	THPT THCN
- Bóng đá, chuyền, rổ,... (đồng/trận/người)	10.000	12.000	15.000	15.000	17.000	20.000
- Các môn khác (đồng/ngày/người)	25.000		30.000	35.000		40.000
- Giám sát thi đấu (đồng/ngày/người)	20.000			25.000		

g) Giám khảo chấm thi học sinh, giáo viên thi văn nghệ và các hội thi khác:

Đơn vị tính: đồng/ngày/người

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Ghi chú
- Bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở	25.000	30.000	
- Bậc THPT – THCN	35.000	40.000	

Ghi chú: Nếu giám khảo mời ngoài ngành chấm thi văn nghệ và các hội thi khác thì được tính mức là 60.000đ/ngày/người đối với cấp huyện và 80.000 đ/ngày/người đối với cấp tỉnh.

2/ Các đợt tập huấn, bồi dưỡng, luyện tập cho HSG, giáo viên dạy giỏi các môn văn hóa, Hội khỏe Phù Đổng, thể dục thể thao, hội thao quốc phòng, văn nghệ và các hội thi khác:

a) Dạy bồi dưỡng HSG chuẩn bị thi các cấp môn văn hoá:

Đơn vị tính: đồng/tiết

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Quốc gia
- Bậc mầm non, tiểu học			
+ Dạy lý thuyết	8.000	12.000	16.000

+ Dạy thực hành	10.000	14.000	18.000
+ Trợ lý thí nghiệm	4.000	5.000	8.000
- Bậc trung học cơ sở			
+ Dạy lý thuyết	10.000	15.000	20.000
+ Dạy thực hành	15.000	20.000	25.000
+ Trợ lý thí nghiệm	5.000	7.000	10.000
- Bậc THPT - THCN			
+ Dạy lý thuyết	15.000	20.000	40.000
+ Dạy thực hành	20.000	25.000	45.000
+ Trợ lý thí nghiệm	8.000	10.000	15.000

b) Tập huấn, luyện tập, bồi dưỡng giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh chuẩn bị thi Quốc gia các môn văn hóa:

+ Dạy lý thuyết	50.000 đồng/tiết
+ Dạy thực hành	70.000 đồng/tiết
+Trợ lý thí nghiệm	20.000 đồng/tiết

c) Tập huấn, luyện tập học sinh và giáo viên thi Hội khoẻ Phù Đổng, thể dục thể thao, các hội thi khác:

c1) Tập huấn, luyện tập học sinh, giáo viên chuẩn bị thi các cấp về Hội khoẻ Phù Đổng, thể dục thể thao, hội thao quốc phòng các cấp:

Đơn vị tính: đồng/ngày/người

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Khu vực và Quốc gia
- Các bậc học	30.000	40.000	50.000

c2) Tập huấn học sinh và giáo viên thi văn nghệ và các hội thi khác:

Đơn vị tính: đồng/ngày/người

Đối tượng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Khu vực và Quốc gia
- Các bậc học	15.000	20.000	25.000

3/ Mức chi công tác tổ chức, quản lý kỳ thi và tổ chức tập huấn cho học sinh giỏi và giáo viên dạy giỏi các cấp:

a) Công tác tổ chức, quản lý kỳ thi và tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy giỏi bộ môn văn hoá các cấp thực hiện như kỳ thi học sinh giỏi tương ứng từng bậc học và cấp tổ chức.

b) Công tác tổ chức, quản lý kỳ thi và tổ chức tập huấn cho học sinh, giáo viên dạy giỏi ở các hội thi khác không phải các môn văn hoá được áp dụng bằng 60% mức chi cho học sinh giỏi, giáo viên dạy giỏi tương ứng từng bậc học và cấp tổ chức.

4/ Các nội dung, mức chi khác cấp tỉnh:

- Chấm sáng kiến kinh nghiệm (SKKN) thi đua cuối năm; kiểm tra trường chuẩn quốc gia (05 hồ sơ/trường), kiểm tra Đoàn, Đội trường học (02 hồ sơ/trường), kiểm tra thư viện chuẩn (03 hồ sơ/trường) được thanh toán theo Thông tư số 16/TT-LB ngày 23/8/1995 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính về chế độ thanh tra giáo dục; cụ thể như sau:

- + Mầm non: 20.000 đ/ hồ sơ
- + Tiểu học: 30.000 đ/hồ sơ
- + THCS, THPT: 40.000 đ/hồ sơ

- In ấn, kiểm tra, ký duyệt các loại bằng khen, giấy khen, bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận và các loại ấn chỉ khác được tính mức 500 đ/tờ.

- Mức chi bồi dưỡng Ban chỉ đạo, Ban tổ chức chung các kỳ thi tuyển sinh, tốt nghiệp, Hội khoẻ Phù đổng, Thẻ dực thể thao, Hội thao quốc phòng, bồi dưỡng, tập huấn,... với mức 30.000đồng/ngày/người đối với cấp tỉnh và 25.000đồng/người/ngày đối với cấp huyện (theo Quyết định và số ngày thực tế làm việc).

5/ Mức tiền thưởng đối với cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức (định kỳ 04 năm được tổ chức một lần):

a) Mức thưởng các đợt thi về thể dục thể thao:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung thi	Cấp huyện	Cấp tỉnh
- Bóng bàn, cầu lông (giải đôi)		
+ Giải nhất	100.000	200.000
+ Giải nhì	80.000	150.000
+ Giải ba	60.000	100.000
- Bóng bàn, cầu lông, cờ vua, bắn nỏ... (giải cá nhân)		
+ Giải nhất	80.000	150.000
+ Giải nhì	60.000	100.000
+ Giải ba	40.000	80.000

b) Mức thưởng các đợt thi văn nghệ và các hội thi khác:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung thi	Cấp huyện	Cấp tỉnh
- Toàn đoàn		
+ Giải nhất	200.000	400.000
+ Giải nhì	150.000	300.000
+ Giải ba	100.000	200.000
- Tập ca		
+ Giải nhất	200.000	300.000
+ Giải nhì	120.000	200.000
+ Giải ba	80.000	100.000
+ Giải khuyến khích	50.000	80.000
- Song ca (đôi)		
+ Giải nhất	150.000	200.000
+ Giải nhì	100.000	150.000
+ Giải ba	80.000	100.000
+ Giải khuyến khích	50.000	50.000
- Cá nhân		
+ Giải nhất	80.000	100.000
+ Giải nhì	60.000	80.000
+ Giải ba	40.000	50.000
+ Giải khuyến khích	30.000	40.000

Mức chi qui định trong văn bản này là mức tối đa, căn cứ vào khả năng kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm các đơn vị thực hiện chi và quyết toán theo thực tế công việc nhưng không vượt quá mức chi đã qui định trên ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Kim Hiệu